Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 0306.12.10

Mã HS	0306.12.10
Mô tả hàng hóa	Động vật giáp xác, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, sống, tươi, ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật giáp xác hun khói, đã hoặc chưa bóc mai, vỏ, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói; động vật giáp xác chưa bóc mai, vỏ, đã hấp chín hoặc luộc chín trong nước, đã hoặc chưa ướp lạnh, đông lạnh, khô, muối, hoặc ngâm nước muối / - Đông lạnh: / - - Tôm hùm (Homarus spp.): / - - - Hun khói
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	06/11/2026 03:54:24
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/03061210/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	40.5	40,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K559
Thuế NK ưu đãi (MFN)	27	27%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N559
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q559
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ559
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, MY)	0% (trừ ID, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E556
ATIGA	2022	2022	0	AT!E557
ATIGA	2023	2023	0	AT!F557
ATIGA	2024	2024	0	AT!G557
ATIGA	2025	2025	0	AT!H557
ATIGA	2026	2026	0	AT!I557
ATIGA	2027	2027	0	AT!J557
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E559
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F559
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G559
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H559

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I559
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J559
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E559
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F559
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G559
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H559
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I559
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J559
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F557
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H556
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F559
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G559
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H559
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I559
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J559
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K559
VKFTA	2022	2022	0	VK!E557
VKFTA	2023	2023	0	VK!F557
VKFTA	2024	2024	0	VK!G557
VKFTA	2025	2025	0	VK!H557
VKFTA	2026	2026	0	VK!I557
VKFTA	2027	2027	0	VK!J557
VCFTA	2022	2022	0	VC!D558
VCFTA	2023	2023	0	VC!E558
VCFTA	2024	2024	0	VC!F558
VCFTA	2025	2025	0	VC!G558

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H558
VCFTA	2027	2027	0	VC!I558
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D561
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E561
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F561
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G561
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H561
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I561
AHKFTA	2022	2022	6	AKH!D558
AHKFTA	2023	2023	4	AKH!E558
AHKFTA	2024	2024	4	AKH!F558
AHKFTA	2025	2025	2	AKH!G558
AHKFTA	2026	2026	2	AKH!H558
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I558
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D558
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E558
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F558
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G558
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H558
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I558
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D560
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E560
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F560
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G560
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H560
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I560

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D558
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E558
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F558
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G558
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H558
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I558
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J558
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D557
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E557
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F557
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G557
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H557
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I557
RCEP B	2022	2022	9	B!D557
RCEP B	2023	2023	8	B!E557
RCEP B	2024	2024	7	B!F557
RCEP B	2025	2025	6	B!G557
RCEP B	2026	2026	5	B!H557
RCEP B	2027	2027	4	B!I557
RCEP C	2022	2022	9	C!D557
RCEP C	2023	2023	8	C!E557
RCEP C	2024	2024	7	C!F557
RCEP C	2025	2025	6	C!G557
RCEP C	2026	2026	5	C!H557
RCEP C	2027	2027	4	C!I557
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D557

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E557
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F557
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G557
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H557
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I557
RCEP E	2022	2022	9	E!D557
RCEP E	2023	2023	8	E!E557
RCEP E	2024	2024	7	E!F557
RCEP E	2025	2025	6	E!G557
RCEP E	2026	2026	5	E!H557
RCEP E	2027	2027	4	E!I557
RCEP F	2022	2022	9	F!D557
RCEP F	2023	2023	8	F!E557
RCEP F	2024	2024	7	F!F557
RCEP F	2025	2025	6	F!G557
RCEP F	2026	2026	5	F!H557
RCEP F	2027	2027	4	F!I557
VIFTA	2024	2024	*	VI!F536
VIFTA	2025	2025	*	VI!G536
VIFTA	2026	2026	*	VI!H536
VIFTA	2027	2027	*	VI!I536

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0306.12 có 2 dòng thuế; dòng 0306.12.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Hun khói.	0306.12.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0306.12.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 27% của mã 0306.12.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N559), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.